

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Huy
2. Ông Lê Quang Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/9/2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2021/TLS-HNGĐ ngày 09/7/2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 2 T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Mạnh C, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn 2 T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 05/7/2021, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Mạnh C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào tháng 6/1990. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại quê chồng ở thôn 2 T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, ông Cường rượu chè, gia trưởng, không tôn trọng vợ con. Thậm chí nhiều lần uống rượu say, đuổi đánh mẹ con bà

Ng ra khỏi nhà. Vì thương con nên bà Ng đã chịu đựng, đến nay các con đã lớn nhưng ông C vẫn không thay đổi tính tình, thường xuyên uống rượu say và đuổi bà Ng ra khỏi nhà. Tình trạng vợ chồng hiện nay đang sống ly thân từ năm 2014 mà không ai quan tâm đến ai. Bà Ng xác định đã hết tình cảm vợ chồng với ông C, không thể tiếp tục chung sống với ông C được nữa, yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Mạnh C. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm Trần Mạnh N, sinh năm 1990, sinh sống và làm ăn tại Đà Nẵng; Trần Thị N, sinh năm 1993, lấy chồng về ở nhà chồng tại thôn 1 T, xã Thanh T, huyện L và Trần Mạnh H, sinh năm 2001, làm ăn tại Đà Nẵng. Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng trình bày vợ chồng không có nợ chung; đối với tài sản chung, bà Ng không yêu cầu giải quyết mà để lại cho các con.

Đối với bị đơn ông Trần Mạnh C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập các bên đương sự, tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến các đương sự hợp lệ nhưng ông Trần Mạnh C vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2021, bị đơn ông Trần Mạnh C trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Ng kết hôn và chung sống với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh T vào tháng 6/1990. Vợ chồng có 03 con chung là Trần Mạnh N, sinh năm 1990; Trần Thị N, sinh năm 1993 và Trần Mạnh H, sinh năm 2001. Vợ chồng có tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất của bố mẹ ông C và vợ chồng không có khoản nợ chung. Ông C trình bày vì lý do sức khỏe, ông C không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án và trình bày ý kiến của ông như sau: Về quan hệ tình cảm: Ông C đồng ý ly hôn bà Ng vì vợ chồng sống ly thân gần 10 năm; Về quan hệ con cái: Các con chung giữa ông C với bà Ng đều đã trên 18 tuổi nên ông không có ý kiến gì; Về quan hệ tài sản: Ông C giao ngôi nhà cấp 4 cho con Trần Mạnh H sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến các đương sự hợp lệ nhưng ông Trần Mạnh C vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất ngày 27/8/2021.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho bà Lê Thị Ng được ly hôn ông Trần Mạnh C và nghĩa vụ án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Lê Thuỷ đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn, ông Trần Mạnh Cường vắng mặt; do đó vụ án không tiến hành hoà giải được. Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà ngày 27/8/2021, nhưng bị đơn ông Trần Mạnh Cường vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai, bị đơn ông Trần Mạnh Cường vẫn vắng mặt, mặc dù Toà án đã thực hiện tổng đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Mạnh Cường.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ng và ông Trần Mạnh C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã lẫn nhau; vợ chồng sống ly thân đã lâu mà không ai quan tâm đến ai. Xét đời sống chung của vợ chồng bà Ng, ông C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2021, ông C trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà Ng vì vợ chồng ly thân đã gần 10 năm, Hội đồng xét xử cho bà Lê Thị Ng được ly hôn với ông Trần Mạnh C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét các con chung của bà Lê Thị Ng và ông Trần Mạnh C đã trên 18 tuổi và đều có công việc, thu nhập; bà Ng, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ng, ông Trần Mạnh C không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ng được ly hôn ông Trần Mạnh C.

2/ Về quan hệ con cái: Không xem xét.

3/ Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4/ Về án phí: Bà Lê Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2020/0001319 ngày 07 tháng 7 năm 2021. Bà Lê Thị Ng đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/9/2021); bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú và trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND xã Thanh Thủy;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Sơn

